

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 4 năm 2025

**ĐẶC TẢ ĐỀ THI VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THCS&THPT SƯ PHẠM  
NĂM HỌC 2025 – 2026**

**Môn: TIẾNG ANH**

**1. Hình thức, thời gian, nội dung, cấu trúc và thang điểm**

- Hình thức thi: Trắc nghiệm.
- Thời gian thi: 60 phút.
- Nội dung đề thi: Nội dung đề thi bao gồm kiến thức, chủ đề như từ vựng, ngữ pháp, giao tiếp, đọc hiểu, và viết phổ biến trong chương trình học và sách giáo khoa, bám sát Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp THCS, trọng tâm là lớp 9.
- Cấu trúc đề thi:
  - + Đề thi bao gồm 40 câu hỏi trắc nghiệm khách quan với 4 phương án lựa chọn. Trong đó có 20 câu hỏi độc lập và 3 nhóm câu hỏi, mỗi nhóm gồm một ngữ cảnh hoặc tình huống kèm theo các câu hỏi liên quan đến từ vựng, ngữ pháp, diễn đạt trong văn bản viết và đọc hiểu.
  - + Đề thi sử dụng 5 dạng câu hỏi bao gồm: hoàn thành câu, đọc điền từ vào tờ rơi hoặc quảng cáo, sắp xếp đoạn hội thoại/lá thư/đoạn văn, đọc hiểu đoạn văn, và biến đổi câu.
  - + Các câu hỏi trong đề thi được thiết kế theo ba cấp độ tư duy: nhận biết (20%), thông hiểu (50%) và vận dụng (30%), nhằm đánh giá năng lực sử dụng ngôn ngữ của thí sinh.
- Thang điểm: Bài thi được đánh giá theo thang điểm 10. Trả lời đúng mỗi câu hỏi, thí sinh được 0,25 điểm.

## 2. Ma trận đề thi

Dạng bài	Mạch kiến thức/ chủ đề	Cấp độ tư duy						Tổng số câu
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
		Số câu	Câu số	Số câu	Câu số	Số câu	Câu số	
Hoàn thành câu	Thì của động từ			1	Q1			12
	So sánh	1	Q2					
	Cụm động từ			1	Q3			
	Giới từ	1	Q4					
	Câu điều kiện			1	Q5			
	Dạng động từ: To-V/ V-ing	1	Q6					
	Từ vựng trong văn cảnh			1	Q7			
	Từ để hỏi	1	Q8					
	Từ loại			1	Q9			
	Câu ước	1	Q10					
	Lựa chọn từ			1	Q11			
	Mạo từ	1	Q12					
Đọc điền từ (Tờ rơi/ Quảng cáo)	Lượng từ	1	Q13					6
	Trật tự từ			1	Q14			
	Từ vựng			1	Q15			
	Đại từ quan hệ	1	Q16					
	Liên từ			1	Q17			
	Cụm từ cố định			1	Q18			
Sắp xếp hội thoại/ lá thư/ đoạn văn ngắn	Hội thoại ngắn, đơn giản về những vấn đề quen thuộc liên quan đến công việc và cuộc sống hàng ngày (3 lượt nói)			1	Q19			5
	Hội thoại ngắn, đơn giản về những vấn đề quen thuộc liên quan đến công việc và cuộc sống hàng ngày (4 lượt nói)			1	Q20			
	Đoạn văn ngắn (khoảng 60-80 từ) về các chủ đề phổ biến trong chương trình, sách giáo khoa					1	Q21	
	Thư cá nhân, đơn giản liên quan các vấn đề thuộc lĩnh vực quan tâm (khoảng 60-80 từ)					1	Q22	

Dạng bài	Mạch kiến thức/ chủ đề	Cấp độ tư duy						Tổng số câu
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
		Số câu	Câu số	Số câu	Câu số	Số câu	Câu số	
	Đoạn văn ngắn (khoảng 100-120 từ) về các chủ đề phổ biến trong chương trình, sách giáo khoa					1	Q23	
Đọc hiểu văn bản Bài đọc 1 (dài khoảng 180-200 từ) (Chủ đề liên quan đến: Cộng đồng, lối sống, kì quan thiên nhiên, du lịch, ngôn ngữ, việc học tiếng Anh, trái đất, môi trường sống, động thực vật, thiết bị điện tử, nghề nghiệp)	Câu hỏi về ý chính					1	Q24	7
	Câu hỏi lấy thông tin phủ định					1	Q25	
	Câu hỏi từ vựng (từ đồng nghĩa)			1	Q26			
	Câu hỏi quy chiếu			1	Q27			
	Câu hỏi từ vựng (từ đồng nghĩa)			1	Q28			
	Câu hỏi liên quan thông tin theo đoạn			1	Q29			
	Câu hỏi suy luận					1	Q30	
Đọc hiểu văn bản Bài đọc 2 (dài khoảng 180-200 từ) (Chủ đề liên quan đến: Cộng đồng, lối sống, kì quan thiên nhiên, du lịch, ngôn ngữ, việc học tiếng Anh, trái đất, môi trường sống, động thực vật, thiết bị điện tử, nghề nghiệp)	Câu hỏi về ý chính					1	Q31	7
	Câu hỏi lấy thông tin phủ định					1	Q32	
	Câu hỏi từ vựng (từ đồng nghĩa)			1	Q33			
	Câu hỏi quy chiếu			1	Q34			
	Câu hỏi từ vựng (từ trái nghĩa)			1	Q35			
	Câu hỏi lấy thông tin đúng					1	Q36	
	Câu hỏi liên quan thông tin theo đoạn			1	Q37			
Biến đổi câu	Chuyển đổi câu dùng cấu trúc so sánh					1	Q38	3
	Chuyển đổi câu dùng cấu trúc trực tiếp-gián tiếp					1	Q39	
	Chuyển đổi câu dùng động từ tình thái (can/must/need/should/...)					1	Q40	
<b>Tổng số câu:</b>		<b>8</b>		<b>20</b>		<b>12</b>		<b>40</b>
<b>Tỉ lệ:</b>		<b>20%</b>		<b>50%</b>		<b>30%</b>		<b>100%</b>

\* Ghi chú: Q là viết tắt của Question.